

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu B, xã M, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu B, xã M, huyện T, tỉnh P.

(Anh C, chị Đ đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thành C trình bày:

Anh C và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn ngày 16/9/2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã M), huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh C cho rằng, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Kể từ tháng 2/2022, vợ chồng anh đã sống ly thân cho đến nay. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Đ trình bày (BL 29):

Chị Đ kết hôn với anh Nguyễn Thành C năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã M), huyện T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay anh C xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình : không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho anh Nguyễn Thành C được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

+ Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa anh Nguyễn Thành C và chị Nguyễn Thị Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Đ có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C, chị Đ đã trình bày quan điểm về hôn nhân. Chị Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, vì vậy Tòa án không thực hiện thủ tục hòa giải vụ việc giữa anh C và chị Đ. Tại phiên tòa, chị Đ và anh C đều vắng mặt (có đơn đề nghị giải

quyết vắng mặt), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Thành C và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã M), huyện T, tỉnh P ngày 16/9/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C và chị Đ có bất đồng quan điểm sống.

Anh C và chị Đ đều thừa nhận vợ chồng ly thân, không còn chung sống cùng nhau. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C và chị Đ có quan điểm thuận tình ly hôn. Xét nên xử cho công nhận thuận tình ly hôn giữa anh C và chị Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung, tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: các bên đều không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh C nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành C và chị Nguyễn Thị Đ

[2]. Về án phí: Anh Nguyễn Thành C tự nguyện chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003447 ngày 29/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Anh Chung đã nộp đủ án phí.

Anh C, chị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã M
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

